

BIÊN BẢN HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Á

I. THÔNG TIN CÔNG TY:

- Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Đông Á
- Địa chỉ trụ sở chính: 18 đường Nguyễn Xiển, tổ 23, P. Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Mã số doanh nghiệp: 4200525354

II. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

- Thời gian: từ lúc 07 giờ 30 phút ngày 20 tháng 4 năm 2019
- Địa điểm: tại phòng họp Công ty Cổ phần Đông Á, Lô F1-F2-F3-KT1 Cụm Công nghiệp Đắc Lộc, xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

III. PHÂN THỦ TỤC:

1. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông:

Ông Lê Quang Trung – Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội trước khi khai mạc:

- Đại hội có sự tham dự của 17 cổ đông.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông ủy quyền hợp lệ và cổ đông trực tiếp tham dự Đại hội là 1.386.054 cổ phần, chiếm 82,5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 26/03/2019 là: 1.680.000 cổ phần)
- Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ĐHĐCĐ được triệu tập hợp lệ khi có số cổ đông dự họp, theo hình thức tham dự trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền, đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty .

Vì vậy, cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Đông Á đã đủ điều kiện tiến hành.

2. Giới thiệu Đoàn chủ tịch và Chủ tọa Đại hội gồm:

- Bà Lê Thị Hương Dung – Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa Đại hội



- Ông Hồ Thượng Hải – Thành viên HĐQT

- Ông Đào Vũ Lâm – Thành viên HĐQT

3. Ban thư ký Đại hội gồm:

- Ông Lê Việt – Kế toán trưởng

- Bà Nguyễn Thị Kim Thảo – Trưởng bộ phận kế toán

4. Ban kiểm phiếu:

- Ông Hoàng Văn Dũng - Trưởng ban

- Ông Nguyễn Bùi Luân - Ủy viên

- Ông Huỳnh Phạm Luân Vũ - Ủy viên

Đại hội thông qua Đoàn chủ tịch, Chủ tọa, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp tán thành, 0% không tán thành và 0% không có ý kiến.

IV. NỘI DUNG ĐẠI HỘI:

A. Thông qua nội dung chương trình và Quy chế làm việc tại Đại hội:

Ông Hồ Thượng Hải – thành viên HĐQT công bố, thông qua Quy chế làm việc và Chương trình của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp tán thành.

B. Báo cáo và trình bày các vấn đề cần được cổ đông thảo luận và biểu quyết thông qua tại Đại hội:

1. Bà Lê Thị Hương Dung – Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc trình bày:

1.1. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018, phương hướng nhiệm vụ và giải pháp thực hiện năm 2019 (*Phụ lục I*);

1.2. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 (*Phụ lục II*);

1.3. Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán (*Phụ lục III*);

1.4. Báo cáo phương án phân phối lợi nhuận và kế hoạch chia cổ tức năm 2018-2019; kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2019 (*Phụ lục IV*);

1.5. Báo cáo chi thù lao HĐQT, BKS, thư ký 2018. Kế hoạch chi thù lao HĐQT, BKS, thư ký 2019 (*Phụ lục V*);

1.6. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty năm 2019 (*Phụ lục VI*);

1.7. Tờ trình ban hành Quy chế quản trị Công ty (*Phụ lục VII*).

2. Bà Lại Trần Hoài Khanh – Trưởng Ban kiểm soát trình bày:

2.1. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc năm 2018. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018, kế hoạch công tác năm 2019 (Phụ lục VIII)

2.2. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 (Phụ lục IX);

C. Trao đổi và thảo luận các nội dung cần được ĐHĐCĐ thông qua tại Đại hội:

1. Phần chất vấn của cổ đông:

1.1. Cổ đông Lê Việt:

Điều chỉnh phương án phân phối lợi nhuận năm 2019:

Quỹ ban điều hành: sau khi có kết quả kiểm toán, HĐQT đề xuất mức trích quỹ Ban điều hành như sau: bằng 1% lợi nhuận trước thuế thực hiện được + 5% phần lợi nhuận vượt kế hoạch (nếu có) trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Phần trả lời của Đoàn chủ tịch tại Đại hội:

Chủ tọa đưa ý kiến đề xuất của cổ đông Lê Việt ra trước ĐHĐCĐ cùng thảo luận, xin ý kiến và đã được các cổ đông dự họp tán thành 100%.

D. Biểu quyết và công bố kết quả biểu quyết các nội dung trong Đại hội:

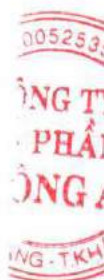
1. Đại hội tiến hành biểu quyết các nội dung cần được ĐHĐCĐ thông qua bằng hình thức lựa chọn một trong ba phương án: tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến đối với từng nội dung cần lấy ý kiến.

2. Các nội dung được biểu quyết:

Số cổ đông tham gia (sở hữu và đại diện theo ủy quyền) tại thời điểm biểu quyết là 17 cổ đông đại diện cho 1.386.054 cổ phần. Số cổ phần tham dự biểu quyết/ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 1.386.054/ 1.680.000 cổ phần, đạt tỷ lệ 82,5%.

2.1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018, phương hướng nhiệm vụ và giải pháp thực hiện năm 2019:

Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% tán thành, 0% không tán thành và 0% không có ý kiến.



2.2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019:

Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% tán thành, 0% không tán thành và 0% không có ý kiến.

2.3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán:

Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% tán thành, 0% không tán thành và 0% không có ý kiến.

2.4. Thông qua Báo cáo phương án phân phối lợi nhuận và kế hoạch chia cổ tức năm 2018-2019:

2.4.1. Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2018:

- Chia cổ tức cho năm tài chính 2018: 10% mệnh giá

Cổ tức được chi trả bằng tiền, thời gian chi dự kiến: từ 30/5/2019

- Trích quỹ Đầu tư phát triển : 8.506.184.458 đồng

- Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi (10%) : 1.148.008.644 đồng

- Trích quỹ Ban điều hành : 145.893.340 đồng

- Chuyển toàn bộ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối từ năm 2017 trở về trước bổ sung vào quỹ Đầu tư phát triển: 451.177.200 đồng.

2.4.2. Phương án phân phối lợi nhuận và kế hoạch chia cổ tức năm 2019:

- Quỹ khen thưởng phúc lợi (10%)

- Chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền (10% mệnh giá): 1.680.000.000 đồng.

- Quỹ ban điều hành: sau khi có kết quả kiểm toán, HĐQT đề xuất mức trích quỹ Ban điều hành như sau: bằng 1% lợi nhuận trước thuế thực hiện được + 5% phần lợi nhuận vượt kế hoạch (nếu có) trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

- Quỹ đầu tư phát triển: Lợi nhuận sau thuế khi đã trích các quỹ và chia cổ tức.

Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% tán thành, 0% không tán thành và 0% không có ý kiến.

2.5. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư 2019:

Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% tán thành, 0% không tán thành và 0% không có ý kiến.

2.6. Thông qua Báo cáo chi thù lao HĐQT, BKS, thư ký 2018. Kế hoạch chi thù lao HĐQT, BKS, thư ký 2019:

Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% tán thành, 0% không tán thành và 0% không có ý kiến.

2.7. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty năm 2019:

Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% tán thành, 0% không tán thành và 0% không có ý kiến.

2.8. Thông qua Tờ trình ban hành Quy chế quản trị Công ty:

Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% tán thành, 0% không tán thành và 0% không có ý kiến.

2.9. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc năm 2018. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018, kế hoạch công tác năm 2019:

Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% tán thành, 0% không tán thành và 0% không có ý kiến.

2.10. Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019:

Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% tán thành, 0% không tán thành và 0% không có ý kiến.

V. THÔNG QUA BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI:

Biên bản này được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Đông Á thông qua toàn văn tại Đại hội với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp tán thành.

Chủ tọa Đại hội căn cứ nội dung Biên bản này ban hành Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 và được thông qua toàn văn tại Đại hội với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp tán thành.

Đại hội bế mạc vào lúc 10 giờ 00 phút cùng ngày.

BAN THƯ KÝ CUỘC HỌP

Lê Việt

Nguyễn Thị Kim Thảo



CHỦ TỌA

Lê Thị Hương Dung

Số: *M8* /NQ-ĐHĐCĐ-ĐA

Nha Trang, ngày 20 tháng 4 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Á

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đông Á;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Đông Á số *M7* /BB-ĐHĐCĐ-ĐA ngày 20/4/2019.

QUYẾT NGHỊ

1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018, phương hướng nhiệm vụ và giải pháp thực hiện năm 2019 (Phụ lục I đính kèm).
2. Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 (Phụ lục II đính kèm).
3. Thông qua báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Phụ lục III đính kèm).
4. Thông qua báo cáo phương án phân phối lợi nhuận và kế hoạch chia cổ tức năm 2018-2019; kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2019 (Phụ lục IV đính kèm)
 - 4.1. Phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2018:
 - a) Tổng số lợi nhuận sau thuế năm 2018 trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty đến ngày 31/12/2018 là: **11.480.086.442** đồng (Mười một tỷ, bốn trăm tám mươi triệu, tám mươi sáu nghìn, bốn trăm bốn mươi hai đồng), được sử dụng/phân chia như sau:
 - Trích các quỹ Khen thưởng phúc lợi, quỹ Ban điều hành, quỹ Đầu tư phát triển ... theo Điều lệ Công ty, Quyết định của ĐHĐCĐ thường niên, cụ thể:
 - + Quỹ Khen thưởng phúc lợi (10%): 1.148.008.644 đồng (Một tỷ, một trăm bốn mươi tám triệu, tám nghìn, sáu trăm bốn mươi bốn đồng)
 - + Quỹ Ban điều hành: 145.893.340 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn, ba trăm bốn mươi đồng).
 - + Quỹ Đầu tư phát triển: 8.506.184.458 đồng (Tám tỷ, năm trăm lẻ sáu triệu, một trăm tám mươi bốn nghìn, bốn trăm năm mươi tám đồng)
 - Chia cổ tức cho năm tài chính 2018: Chia cổ tức 10% mệnh giá bằng tiền cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu, với tổng số tiền: 1.680.000.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm tám mươi triệu đồng)

Thời gian chia cổ tức: dự kiến từ 30/5/2019



b) Chuyển toàn bộ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối từ năm 2017 trở về trước bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển: 451.177.200 đồng (*Bốn trăm năm mươi một triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn, hai trăm đồng*)

4.2. Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2019:

- Quỹ khen thưởng phúc lợi (10%)
- Chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền (10% mệnh giá): 1.680.000.000 đồng
- Quỹ ban điều hành: sau khi có kết quả kiểm toán, HĐQT đề xuất mức trích quỹ Ban điều hành như sau: bằng 1% lợi nhuận trước thuế thực hiện được + 5% phần lợi nhuận vượt kế hoạch (nếu có) trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- Quỹ đầu tư phát triển: Lợi nhuận sau thuế khi đã trích các quỹ và chia cổ tức.

4.3. Thông qua kế hoạch đầu tư năm 2019:

Tổng số vốn đầu tư năm 2019: 33.095 triệu đồng

Vốn đầu tư:

- + Vốn tự có: nguồn vốn đầu tư phát triển
- + Vay ngân hàng Vietinbank, BIDV

4.4. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
01	- Tổng doanh thu	trđ	340.000
02	- Lợi nhuận trước thuế	trđ	12.500
03	- Đơn giá tiền lương hiệu quả	%	75

5. Thông qua báo cáo chi thù lao HĐQT, BKS, thư ký 2018. Kế hoạch chi thù lao HĐQT, BKS, thư ký 2019 (Phụ lục V đính kèm) cụ thể:

- Đã chi thù lao HĐQT, BKS, thư ký năm 2018: 162.000.000 đồng (*Theo NQ ĐHĐCĐ số 135/2018/NQ-ĐHĐCĐ-ĐA ngày 21/4/2018*)
- Kế hoạch chi thù lao HĐQT, BKS và thư ký năm 2019: 162.000.000 đồng

6. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty 2019 (Phụ lục VI đính kèm).

7. Thông qua Tờ trình về việc ban hành Quy chế quản trị Công ty (Phụ lục VII đính kèm).

8. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc năm 2018. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018, kế hoạch công tác năm 2019 (Phụ lục VIII đính kèm).

9. Thông qua tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 (Phụ lục IX đính kèm).

10. Thi hành nghị quyết

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty và những người có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- Các cổ đông, UBCKNN, SGDCKHN
- HĐQT, BKS
- Lưu TK



Lê Thị Hương Dung



Số: 119/BC-ĐA

Nha Trang, ngày 20 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018, PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đông Á

I. NHỮNG KHÓ KHĂN CHUNG:

Năm 2018 là năm Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Giá giấy tăng liên tục từ cuối năm 2017 đến quý 3/2018 do các doanh nghiệp Trung Quốc thu gom giấy các loại ở Việt Nam. Dự kiến trong năm 2019, tình hình giấy vẫn có những diễn biến khó lường về giá và nguồn cung.

- Khí hậu thời tiết nhiều thay đổi thất thường, mật độ xây dựng quy hoạch không phù hợp nên thiệt hại do thiên tai, lũ lụt bị tác động kép.

- Hiện Cụm Công nghiệp Đắc Lộc chưa có giải pháp thoát lũ nên thiệt hại do lũ lụt chắc chắn sẽ còn tiếp diễn xảy ra đối với các doanh nghiệp đang hoạt động trong Cụm Công nghiệp.

- Nguồn nhân lực của Công ty không ổn định, vì thế mà việc đào tạo, nâng cao tay nghề cho công nhân gặp nhiều khó khăn. Do Nha Trang là một trong những thành phố phát triển mạnh về ngành du lịch và các dịch vụ đi kèm đã thu hút nhiều lao động mà công việc lại nhẹ nhàng, dễ kiếm tiền hơn...., trong khi Công ty phải làm 3 ca, đi xa thành phố..., dẫn đến người lao động bỏ việc, nhảy việc.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

1. Đánh giá của Công ty kiểm toán và các chỉ số tài chính:

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018		Thực hiện/ Kế hoạch	
			Kế hoạch	Thực hiện	Tăng (+) Giảm (-)	%
1	Vốn điều lệ	trđ	16.800	16.800		100%
2	Doanh thu	trđ	345.000	340.094	-4.906	98,58%

3	Lợi nhuận trước thuế	trđ	17.000	14.589	-2.411	85,82%
4	Lợi nhuận sau thuế	trđ	13.600	11.480	-2.120	84,41%
5	Cổ tức	%	15	(*)		

(*) Cổ tức chia cho năm tài chính 2018 sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2019.

3. Phân tích các chỉ số tài chính năm 2018:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2018/ Năm 2017	
					Tăng (+) Giảm (-)	%
1	Tài sản ngắn hạn	trđ	74.763	85.547	10.784	114,42%
2	Tồn kho	trđ	15.346	13.699	-1.647	89,27%
3	Tổng Tài sản	trđ	196.681	212.062	15.381	107,82%
4	Nợ ngắn hạn	trđ	75.655	90.877	15.222	120,12%
5	Vốn chủ sở hữu	trđ	83.071	90.863	7.792	109,38%
6	Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	trđ	324.829	340.094	15.265	104,70%
7	Chi phí lãi vay	trđ	2.353	4.917	2.564	208,96%
8	Lợi nhuận trước thuế	trđ	17.550	14.589	-2.961	83,13%
9	Lợi nhuận sau thuế	trđ	14.014	11.480	-2.534	81,92%
10	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TS ngắn hạn/nợ ngắn hạn).		1,00	0,94	-0,06	94%
11	Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-hàng tồn kho/nợ ngắn hạn)		0,79	0,79		
12	ROA (Tỷ suất LNST/tổng TS)	%	7,13%	5,41%	-1,72%	75,88%
13	ROE (Tỷ suất LNST/VCSH)	%	16,87%	12,63%	-4,24%	74,87%
14	EPS	Đồng	7.378	6.069	-1.309	82,26%

Đánh giá:

Nguyên nhân:

- Công ty bị mất khách hàng và chia sản lượng khá lớn cho các doanh nghiệp sản xuất bao bì khác do ảnh hưởng từ việc sản xuất bị ngưng trệ sau thiệt hại do Bão số 12 (Damrey) năm 2017 gây ra.

- Tiếp tục đến ngày 18 tháng 11 năm 2018 do ảnh hưởng hoàn lưu bão gây lũ lụt trên diện rộng tại Khánh Hòa, toàn bộ nhà xưởng, hàng hóa và máy móc thiết bị của Công ty đều bị ngập sâu trong nước gây thiệt hại nặng nề về cả vật chất lẫn thị trường.

- Giá bán không bắt kịp với sự tăng giá của giấy.
- Để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, Công ty tiếp tục đầu tư thêm một số máy móc thiết bị sau sóng. Chi phí khấu hao của dây chuyền sóng và máy móc thiết bị sau sóng trong giai đoạn mới đầu tư tăng cao.
- Năm 2018, Công ty vừa trả gốc các khoản vay dài hạn đồng thời tiếp tục vay trung dài hạn để đầu tư và tăng vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi phí lãi vay năm 2018 tăng 108,96% so với năm 2017.

Kết quả:

- Doanh thu không đạt được kế hoạch đề ra, thấp hơn 1,42%.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2018 thấp hơn năm 2017: 16,87%, thấp hơn kế hoạch đề ra: 14,18%.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2018 thấp hơn năm 2017: 18,08%, thấp hơn kế hoạch đề ra: 15,59%
- ROA và ROE năm 2018 đều giảm so với năm 2017.
- Chỉ số thu nhập trên một cổ phiếu EPS năm 2018 đạt 6.069 đồng, giảm 1.309 đồng so với 2017.

4. Công tác đầu tư trong năm 2018:

ĐVT: trđ

STT	Chỉ tiêu	Giá trị đầu tư (không VAT)	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	I. Trong nghị quyết ĐHCĐ 2018	36.864		
1	Máy in Offset 6 màu tờ rời Mitsubishi D3000-6+UV+IR Nhật Bản, sản xuất năm 2007	13.200	02/2018	
2	Sửa chữa nồi hơi cũ	77	02/2018	
3	4 máy cột dây hiệu Chang Yong (CY-100) - Đài Loan	200	03/2018	
4	4 xe nâng tay. Model: TCHP30-685W, hiệu TCMC-Trung Quốc	34	04/2018	
5	Máy ép bùn khung bản FP 500-30 (số 02)	180	05/2018	
6	Sửa chữa 2 máy đóng đinh	161	06/2018	
7	Máy cán lăn xả biên số 04 (Máy rọc đĩa thủ công) - Model MCC11 - Đài Loan	42	06/2018	
8	Máy nén khí 75HP - hiệu BOGE - Đức	583	06/2018	
9	Nồi hơi đốt than ghi xích 4.000 kg/h (BK-GX-4.000)	2.883	06/2018	
10	Máy cán lăn xả biên số 5 (Máy rọc đĩa) khổ 2,5m - T Quốc - Model: BFY-2500	145	08/2018	
11	Sửa chữa đại tu máy bồi	81	08/2018	

12	Máy dán thùng carton tự động - Model JW-B - Trung Quốc	2.520	10/2018	
13	Máy in Flexo 5 màu + 1 cụm tráng phủ kèm bể kết hợp xẻ rãnh xếp chồng + rung phế liệu điều khiển bằng vi tính. Model : TH1220	13.713	10/2018	
14	Máy bẻ con sò MQ1400 - TQ - năm SX 2018	303	11/2018	
15	Trục lô sóng A,B,E, lô láng và Lưỡi dao cắt ngang cụm máy sóng TQ xưởng 1	1.603	12/2018	
16	Băng tải (trên + dưới) – Máy sóng cũ xưởng 1 Băng tải (trên) – Máy sóng xưởng 2	703	12/2018	
17	Máy xén giấy đã qua sử dụng	436	04/2019	
	II. Các hạng mục đầu tư bổ sung năm 2018	891		
18	Hệ thống điện Xưởng sản xuất Đặc Lộc (KV Carton)	328	02/2018	
19	Hệ thống PCCC số 04 (Nhà làm việc tại Đặc lộc)	163	04/2018	
20	04 Máy cột dây hiệu - CY-100 - Đài Loan	200	08/2018	
21	Máy nén khí 75HP- hiệu AIRMAN - Nhật - đã qua sử dụng - SX năm 2007	200	12/2018	
	TỔNG CỘNG	37.755		

Giá trị còn lại của TSCĐ tính đến 31/12/2018: 123.101 trđ chiếm 45,75% so với nguyên giá TSCĐ.

Tính đến 31/12/2018, giá trị TSCĐ đầu tư trong năm 2017 và 2018 đạt 117.691 trđ chiếm 43,74% tổng giá trị TSCĐ đầu tư của Công ty; giá trị còn lại của TSCĐ đầu tư trong năm 2017 và 2018 còn 94.658 trđ chiếm 76,89% tổng giá trị còn lại của TSCĐ.

Trong tình hình vừa mở rộng thị trường, khắc phục những thiệt hại do bão 2017 và lũ lụt năm 2018, vừa tiếp tục đầu tư cho xưởng 2 để nâng cao số lượng và chất lượng sản phẩm phù hợp với yêu cầu của thị trường nên nhu cầu về vốn (cố định và lưu động) tăng cao để chia sẻ áp lực về vốn vay, Công ty đề xuất mức chia cổ tức cho năm tài chính 2018 là 10%.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2019:

1. Kế hoạch SXKD năm 2019:

- Tổng doanh thu : 340.000 trđ
- Lợi nhuận trước thuế : 12.500 trđ
- Cổ tức : 10%

2. Kế hoạch đầu tư 2019:

- Tổng vốn đầu tư năm 2019: : **33.095 triệu đồng**
- Vốn tự có: nguồn vốn đầu tư phát triển

- Vay ngân hàng Vietinbank, BIDV.

STT	Chỉ tiêu	Giá trị đầu tư (không VAT)	Thời gian dự kiến hoàn thành	Ghi chú
1	Máy dán hộp tự động (Nhật đã qua sử dụng)	1.000	10/2019	
2	Máy bế hộp tự động (Nhật đã qua sử dụng - SX từ năm 2000 trở về sau)	2.600	10/2019	
3	Hệ thống nhúng truy nhận dữ liệu	500	07/2019	
4	Máy đo độ nén vòng, nén cạnh	200	09/2019	
5	Máy đo độ hấp thụ giấy	70	09/2019	
6	Máy ép nhũ (đã qua sử dụng) - khổ Max 750 x 530 (mm)	700	09/2019	
7	Máy in offset 6 màu và sấy hồng ngoại IR	12.400	04/2019	
8	Máy ghi bản CTP nhiệt Kodak Trendsetter Q800-F-speed	1.750	03/2019	
9	Trục lô sóng T	1.875	09/2019	
10	Cải tạo nhà xưởng + hệ thống chống lũ lụt	1.000	06/2019	
11	Máy in ngang 3 màu + xếp chồng xẻ rãnh	11.000	09/2019	
	TỔNG CỘNG	33.095		

3. Đơn giá tiền lương hiệu quả: tối đa 75% và đảm bảo LN trước thuế không thấp hơn LN kế hoạch.

4. Giải pháp thực hiện:

- Nắm bắt công nghệ của các máy móc thiết bị đã đầu tư, từ đó nâng cao hiệu suất sử dụng, khai thác tối đa các tính năng của máy móc thiết bị nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm.

- Xây dựng chính sách bán hàng hợp lý, linh hoạt tại các thị trường khác nhau; tiếp tục chăm sóc và giữ vững hệ thống khách hàng hiện có, phát triển các khách hàng tiềm năng đồng thời tìm kiếm thêm các khách hàng mới.

- Tiếp tục nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn cho cán bộ công nhân viên của Công ty.

- Tăng cường công tác kiểm soát chi phí và tìm các giải pháp để giảm chi phí trong hoạt động sản xuất.

- Đưa ra các giải pháp phòng chống lũ lụt.

- Thực hiện tốt công tác an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, công tác bảo vệ môi trường.

- Tăng cường công tác quản lý hàng tồn kho, công tác thu hồi công nợ.

Kính thưa Đại hội!

Trên đây là Báo cáo về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, phương hướng nhiệm vụ và giải pháp thực hiện năm 2019. Trên tinh thần trách nhiệm vì sự phát

triển của Công ty Cổ phần Đông Á kính mong Đại hội đồng cổ đông đóng góp ý kiến và thông qua để xây dựng Công ty ngày càng phát triển bền vững.

Kính chúc Quý vị đại biểu, Quý vị cổ đông, đại diện cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi gửi:

- Như trên;
- UBCKNN, SGDCKHN, HDQT, BKS;
- Lưu TK

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Á
GIÁM ĐỐC**



Lê Thị Hương Dung

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Á

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 120/BC-HDQT

Nha Trang, ngày 20 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO

VỀ QUẢN TRỊ, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018 & KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đông Á

Được sự tín nhiệm của Đại hội, Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty gồm có 3 thành viên. Thay mặt cho HDQT, tôi xin trình bày báo cáo về quản trị, kết quả hoạt động của HDQT năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 như sau:

I. BÁO CÁO VỀ QUẢN TRỊ, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HDQT NĂM 2018:

1. Về nhân sự:

HDQT gồm 3 thành viên:

- | | |
|------------------------|---------------------------------------|
| - Bà Lê Thị Hương Dung | - Chủ tịch HDQT kiêm Giám đốc Công ty |
| - Ông Hồ Thượng Hải | - Thành viên HDQT |
| - Ông Đào Vũ Lâm | - Thành viên HDQT |

Ban Giám đốc Công ty:

- | | |
|------------------------|------------------------|
| - Bà Lê Thị Hương Dung | - Giám đốc Công ty |
| - Ông Phạm Bá Minh | - Phó Giám đốc Công ty |

2. Về thực hiện nhiệm vụ năm 2018:

2.1. Về việc thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2018:

Ngày 21/4/2018, ĐHCĐ của Công ty đã thông qua Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2018, căn cứ chức năng, nhiệm vụ và sự phân công của ĐHCĐ, HDQT Công ty đã triển khai thực hiện, đạt được kết quả cụ thể như sau:

- Về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

- + Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ: 340.094 triệu đồng, đạt 98,58% so với kế hoạch đề ra, tăng 4,7% so với năm 2017
- + Lợi nhuận trước thuế: 14.589 triệu đồng, đạt 85,82% kế hoạch đề ra, giảm 16,87% so với năm 2017.
- + Lợi nhuận sau thuế: 11.480 triệu đồng, đạt 84,41% kế hoạch đề ra, giảm 18,08% so với năm 2017.
- + Đối với các dự án đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, HDQT và Ban Giám đốc đã triển khai theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo hiệu quả tối ưu cho Công ty.

- Về phân phối lợi nhuận năm 2018: HDQT đã chỉ đạo Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo đúng nội dung của Nghị quyết đại hội.

- Về chia cổ tức: ngày 31/5/2018, Công ty đã thực hiện chia cổ tức cho năm tài chính 2017 theo đúng tỷ lệ (15% mệnh giá) đã được thông qua trong ĐHCĐ thường niên năm 2018 và quy định của pháp luật cho các cổ đông.



- Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT năm 2018:

Trong năm 2018, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ về mức chi trả thù lao cho HĐQT, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT số tiền: 84.000.000 đồng.

DVT: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao
1	Lê Thị Hương Dung	Chủ tịch HĐQT	36.000.000
2	Hồ Thượng Hải	Thành viên HĐQT	24.000.000
3	Đào Vũ Lâm	Thành viên HĐQT	24.000.000

2.2. Về công tác giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc điều hành Công ty:

HĐQT đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty thực hiện các nhiệm vụ được giao một cách trung thực, năng động, đặc biệt tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường, chiến lược về nguyên liệu, tồn kho, lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo cho năng lực.

Giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban Giám đốc Công ty, giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban Giám đốc và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

Giám sát, chỉ đạo công tác đầu tư, mua sắm, sửa chữa theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ, theo đúng quy định của pháp luật.

2.3. Về quan hệ với Ban kiểm soát (BKS):

HĐQT đã kết hợp chặt chẽ với BKS để kiểm tra, nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT quy định tại Điều lệ Công ty. Tại các phiên họp của HĐQT đều có sự tham dự của BKS. Qua đó, HĐQT có cơ hội trao đổi, tiếp nhận những ý kiến đóng góp và đề xuất mang tính xây dựng của BKS. Các ý kiến đóng góp của BKS đều được ghi nhận và là cơ sở khi thông qua các quyết định của HĐQT nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như quy định của Pháp luật hiện hành.

3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc điều hành Công ty:

Những kết quả đạt được của Công ty Cổ phần Đông Á trong năm vừa qua là sự đóng góp rất lớn của Ban Giám đốc Công ty. HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực của Ban Giám đốc trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty trong năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty đã chấp hành đầy đủ các chủ trương, chính sách và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT đã chỉ đạo thực hiện năm 2018.

Nhờ áp dụng các sáng kiến cải tiến, hợp lý hóa sản xuất đã góp phần tiết kiệm được chi phí và nâng cao công suất hoạt động của thiết bị.

Công tác tài chính được kiểm soát chặt chẽ, cung cấp đầy đủ và kịp thời báo cáo theo quy định của Luật Kế toán, phục vụ tốt cho công tác lãnh đạo điều hành và quản trị.

Việc phân cấp quản lý đã tạo điều kiện cho cán bộ phát huy năng lực chuyên môn của mình tạo động lực để họ cống hiến cho sự phát triển chung của Công ty.

Công tác môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy trong năm 2018 được chú trọng, đảm bảo sản xuất an toàn.

Tuy nhiên Ban Giám đốc cần xây dựng các biện pháp cần thiết để phòng chống lũ lụt.

4. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT:

Trong năm 2018, cuộc họp HĐQT được tổ chức định kỳ theo quý để kiểm tra thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc Công ty.

HĐQT đã họp thông qua Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

HĐQT đã triệu tập và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 vào ngày 21/4/2018 để:

- Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị đánh giá công tác quản lý điều hành công ty năm 2017 và định hướng năm 2018.

- Thông qua báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán.

- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và kế hoạch chia cổ tức năm 2017-2018; kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2018.

- Thông qua báo cáo chi thù lao HĐQT, BKS, TK năm 2017 và kế hoạch chi thù lao HĐQT, BKS, TK 2018.

- Thông qua nội dung Điều lệ Công ty năm 2018.

- Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát thẩm định kết quả hoạt động SXKD năm 2017 và kế hoạch năm 2018.

- Thông qua tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán 2018.

- Thông qua tờ trình ban hành Quy chế quản trị Công ty.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2019:

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019:

- Tổng doanh thu : 340.000 trđ
- Lợi nhuận trước thuế : 12.500 trđ
- Cổ tức : 10%
- Tổng giá trị đầu tư : 33.095 triệu đồng.

Để hoàn thành tốt kế hoạch đề ra - năm sau phát triển hơn năm trước, các phương hướng hoạt động của HĐQT trong năm 2019 như sau:

- Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty để Công ty tiếp tục phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 do Đại hội đồng cổ đông giao.

- Chỉ đạo Công ty nắm bắt công nghệ của các thiết bị đầu tư mới tại Xưởng 2, khai thác tối đa công suất và tính ưu việt của thiết bị mới đầu tư, đẩy mạnh sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và giảm tiêu hao trong sản xuất.

- Các hạng mục đầu tư: bám sát kế hoạch đầu tư được đưa ra, rút ngắn thời gian lắp đặt, chuyển giao công nghệ để sớm đưa vào hoạt động, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, đảm bảo lợi ích lâu dài cho cổ đông.



- Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực từ sản xuất, kiểm soát chất lượng đến kinh doanh, xây dựng được đội ngũ cán bộ công nhân lao động tâm huyết, yêu nghề và có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao của Công ty. Phát động phong trào thi đua lao động sản xuất, phát huy năng lực của từng thành viên, tạo động lực cho sự phát triển ổn định của Công ty.

- Nâng cao công tác quản trị.

Kính thưa Đại hội!

Trên đây là báo cáo về quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 của HĐQT Công ty. Trên tinh thần trách nhiệm vì sự phát triển của Công ty Cổ phần Đông Á kính mong Đại hội đồng cổ đông đóng góp ý kiến và thông qua để xây dựng Công ty ngày càng phát triển bền vững.

Thay mặt HĐQT, kính chúc Quý vị đại biểu, Quý vị cổ đông, đại diện cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi gửi:

- Như trên;
- UBCKNN, SGDCCKHN, HĐQT, BKS;
- Lưu TK

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Thị Hương Dung



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Á

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Á công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đông Á (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy Bao bì Đông Á thuộc Tổng Công ty Khánh Việt theo Quyết định số 677/QĐ-UB ngày 19/03/2003 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 3703000061 ngày 17/06/2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/06/2013 với mã số doanh nghiệp là 4200525354), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 04/05/2010 với mã chứng khoán DAP (UPCOM).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 16.800.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2018: 16.800.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 18 Nguyễn Xiển, Tổ 23, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 258.3544246
- Fax: (84) 258.3831957
- Website: www.donga.khatoco.com

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa (Chi tiết: Sản xuất giấy các loại);
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa (Chi tiết: Sản xuất bao bì các loại);
- In ấn (Chi tiết: In bao bì, tem nhãn và ấn phẩm các loại);
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Mua bán xuất nhập giấy, nguyên liệu giấy, bao bì).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 331 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 34 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|------------------------|----------|------------------------------|
| • Bà Lê Thị Hương Dung | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 23/04/2016 |
| • Ông Hồ Thượng Hải | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 23/04/2016 |
| • Ông Đào Vũ Lâm | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 23/04/2016 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

• Bà Lại Trần Hoài Khanh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23/04/2016
• Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23/04/2016
• Ông Nguyễn Lê Quân	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 23/04/2016

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Bà Lê Thị Hương Dung	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24/02/2006
• Ông Phạm Bá Minh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24/02/2006
• Ông Lê Việt	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 07/01/2013

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc

Lê Thị Hương Dung

Nha Trang, ngày 25 tháng 03 năm 2019





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: <http://www.aac.com.vn>

Số: 454/2019/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đông Á

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 18/03/2019 của Công ty Cổ phần Đông Á (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại thuyết minh số 8.a, Công ty có khoản tài sản tồn thất chờ xử lý với cơ quan bảo hiểm từ con bão số 12 Damrey ngày 03/11/2017 và trận lụt ngày 18/11/2018. Hiện nay, Công ty vẫn đang làm việc với Công ty bảo hiểm để thống nhất giá trị đền bù.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2019

A blue handwritten signature.

Thái Thị Ánh Nhung – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3313-2015-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		85.546.573.873	74.763.905.296
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	14.085.494.113	12.791.202.359
1. Tiền	111		11.085.494.113	10.791.202.359
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	2.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.395.591.792	45.805.686.240
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	51.053.742.142	39.475.220.839
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	252.383.225	9.456.763.368
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	9.520.746.451	304.982.059
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.431.280.026)	(3.431.280.026)
IV. Hàng tồn kho	140	10	13.698.510.570	15.345.627.727
1. Hàng tồn kho	141		13.698.510.570	15.345.627.727
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		366.977.398	821.388.970
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	81.900.000	242.225.835
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	402.301.037
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	285.077.398	176.862.098
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		126.515.779.442	121.916.730.481
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		20.790.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	20.790.000	-
II. Tài sản cố định	220		123.101.369.577	120.548.053.026
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	123.101.369.577	120.548.053.026
- Nguyên giá	222		269.085.199.424	234.650.287.995
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(145.983.829.847)	(114.102.234.969)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		125.426.364	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		125.426.364	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.268.193.501	1.368.677.455
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	3.268.193.501	1.368.677.455
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		212.062.353.315	196.680.635.777

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		121.199.413.239	113.609.993.166
I. Nợ ngắn hạn	310		90.876.833.337	75.655.428.464
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	38.298.072.056	39.492.119.305
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	28.040.220	6.079.650
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	3.028.664.773	835.978.632
4. Phải trả người lao động	314		11.233.043.946	13.255.961.670
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.779.535.813	3.747.452.555
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17.a	31.428.324.500	13.631.984.800
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.081.152.029	4.685.851.852
II. Nợ dài hạn	330		30.322.579.902	37.954.564.702
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17.b	30.322.579.902	37.954.564.702
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		90.862.940.076	83.070.642.611
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	90.862.940.076	83.070.642.611
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18	16.800.000.000	16.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		16.800.000.000	16.800.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	13.909.976.838
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	18	62.131.676.434	18.280.259.945
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	11.931.263.642	34.080.405.828
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		451.177.200	20.065.957.530
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.480.086.442	14.014.448.298
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		212.062.353.315	196.680.635.777



Lê Thị Hương Dung

Nha Trang, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng

Lê Việt

Người lập biểu

Lê Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	340.497.477.630	325.023.960.833
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	403.298.476	194.591.510
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		340.094.179.154	324.829.369.323
4. Giá vốn hàng bán	11	22	292.096.511.262	277.141.754.712
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>47.997.667.892</u>	<u>47.687.614.611</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	77.874.300	304.383.839
7. Chi phí tài chính	22	24	4.917.777.020	2.353.482.698
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.917.777.020	2.353.482.698
8. Chi phí bán hàng	25	25.a	14.438.132.633	13.517.283.845
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.b	13.718.527.038	12.084.970.433
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>15.001.105.501</u>	<u>20.036.261.474</u>
11. Thu nhập khác	31	26	52.044.280	319.014.332
12. Chi phí khác	32	27	463.815.737	2.804.848.876
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(411.771.457)</u>	<u>(2.485.834.544)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>14.589.334.044</u>	<u>17.550.426.930</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	3.109.247.602	3.535.978.632
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>11.480.086.442</u>	<u>14.014.448.298</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	6.069	7.378
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	6.069	7.378



Lê Thị Hương Dung

Nha Trang, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng

Lê Việt

Người lập biểu

Lê Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	329.568.141.203	319.799.892.362
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(271.370.910.470)	(233.154.297.937)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(39.589.475.000)	(40.340.038.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04 24	(4.917.777.020)	(2.353.482.698)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05 15	(2.421.461.146)	(4.085.451.452)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	48.541.458.320	36.083.431.808
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(44.147.534.286)	(47.188.541.424)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15.662.441.601	28.761.512.659
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(22.090.379.047)	(81.965.476.273)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	281.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(4.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	4.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27 9, 23	70.062.194	346.752.172
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(22.020.316.853)	(81.336.905.919)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33 17	102.767.351.838	54.103.444.620
2. Tiền trả nợ gốc vay	34 17	(92.602.996.938)	(15.127.779.220)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36 18.e	(2.520.000.000)	(2.520.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	7.644.354.900	36.455.665.400
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.286.479.648	(16.119.727.860)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12.791.202.359	28.910.930.219
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	7.812.106	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 5, 6	14.085.494.113	12.791.202.359



Giám đốc

Lê Thị Hương Dung

Nha Trang, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng

Lê Việt

Người lập biểu

Lê Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đông Á (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy Bao bì Đông Á thuộc Tổng Công ty Khánh Việt theo Quyết định số 677/QĐ-UB ngày 19/03/2003 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 3703000061 ngày 17/06/2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/06/2013 với mã số doanh nghiệp là 4200525354), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh các loại bao bì.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa (Chi tiết: Sản xuất giấy các loại);
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa (Chi tiết: Sản xuất bao bì các loại);
- In ấn (Chi tiết: In bao bì, tem nhãn và ấn phẩm các loại);
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Mua bán xuất nhập giấy, nguyên liệu giấy, bao bì).

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

chấn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh đối với một số tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 15
Máy móc, thiết bị	2,5 – 8
Phương tiện vận tải	5 – 6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 6 tháng đến 24 tháng;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.11 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Đối với bao bì bán nội địa, hoạt động in ấn bao bì, tem nhãn và ấn phẩm các loại: Áp dụng thuế suất 10%.
 - ✓ Đối với bao bì xuất khẩu: Áp dụng thuế suất là 0%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt	109.106.789	615.266.624
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.976.387.324	10.175.935.735
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn dưới 3 tháng	3.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	14.085.494.113	12.791.202.359

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Nước giải khát Sanna Khánh Hòa	2.010.957.080	582.759.210
Công ty Liên doanh Thuốc lá Bat-Vinataba	1.835.977.000	1.060.290.000
Công ty CP Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa	1.603.666.240	1.696.024.000
Nhà máy thuốc lá Khatoco Khánh Hòa	6.890.734.510	3.408.799.570
Công ty TNHH Taisho Việt Nam	2.106.807.637	2.337.404.146
Các đối tượng khác	36.605.599.675	30.389.943.913
Cộng	51.053.742.142	39.475.220.839

Trong đó: phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
Nhà máy thuốc lá Khatoco Khánh Hòa	Chung công ty đầu tư	6.890.734.510	3.408.799.570
Công ty Cổ phần In bao bì Khatoco (tên cũ Xí nghiệp In Bao bì Khatoco)	Chung công ty đầu tư	1.671.577.880	792.699.220
Xí nghiệp Máy Khatoco	Chung công ty đầu tư	388.593.150	36.689.400
Công ty Thuốc lá Nguyên liệu Khatoco	Chung công ty đầu tư	760.640.320	81.823.500
Các đối tượng khác	Chung công ty đầu tư	-	181.226.601
Cộng		9.711.545.860	4.501.238.291

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Văn Lang	100.000.000	120.000.000
Các đối tượng khác	152.383.225	9.336.763.368
Cộng	252.383.225	9.456.763.368

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu người lao động tiền thuế TNCN	11.932.600	-	5.328.900	-
Tài sản tổn thất chờ xử lý (*)	9.199.804.176	-	-	-
Tạm ứng	178.696.675	-	171.710.521	-
Ký cược, ký quỹ	3.000.000	-	-	-
Phải thu khác	127.313.000	-	127.942.638	-
Cộng	9.520.746.451	-	304.982.059	-

(*) Đây là giá trị tài sản và hàng hóa tổn thất (từ cơn bão số 12 Damrey năm 2017 và trận lụt do ảnh hưởng hoàn lưu bão ngày 18/11/2018) tính đến thời điểm 31/12/2018 sau khi đã trừ đi phần giá trị thu hồi khắc phục, phần ghi nhận vào chi phí và khoản tiền tạm ứng của Công ty bảo hiểm. Giá trị tổn thất chưa được ghi nhận đầy đủ, Công ty vẫn tiếp tục làm việc với Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt về phương án khắc phục và giải quyết tổn thất cho 2 đợt thiên tai năm 2017 và 2018.

b. Dài hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	20.790.000	-	-	-
Cộng	20.790.000	-	-	-

9. Dự phòng phải thu khó đòi

a. Ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	3.431.280.026	3.431.280.026
- Từ 3 năm trở lên	3.431.280.026	3.428.280.026
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	3.000.000
Cộng	3.431.280.026	3.431.280.026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Nợ xấu

	31/12/2018			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng	3.431.280.026	-		
- Công ty TNHH Hải Hà	328.544.120	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi
- Công ty TNHH Trúc An	388.493.292	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi
- Công ty TNHH Thủy sản Thái Bình Dương	275.232.870	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi
- Các đối tượng khác	2.439.009.744	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi
Cộng	3.431.280.026	-		

	01/01/2018			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng	3.433.280.026	2.000.000		
- Công ty TNHH Hải Hà	328.544.120	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi
- Công ty TNHH Trúc An	388.493.292	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi
- Công ty TNHH Thủy sản Thái Bình Dương	275.232.870	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi
- Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Việt Trung	49.031.600	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi
- Công ty TNHH Giống Thủy sản Lộc An	31.108.000	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi
- Công ty Cổ phần Mỹ - Việt KQ	69.193.000	-	Trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi
- Các đối tượng khác	2.291.677.144	2.000.000	Từ 2 đến 3 năm	Không có khả năng thu hồi
Cộng	3.433.280.026	2.000.000		

(*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	12.367.692.174	-	14.643.995.629	-
Công cụ, dụng cụ	716.409.336	-	-	-
Thành phẩm	473.373.505	-	697.140.743	-
Hàng hóa	141.035.555	-	4.491.355	-
Cộng	13.698.510.570	-	15.345.627.727	-

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2018.
- Không có giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2018.

11. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí thuê kho	81.900.000	-
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	242.225.835
Cộng	81.900.000	242.225.835

b. Dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.042.613.400	228.409.087
Chi phí sửa chữa lớn	1.225.580.101	1.140.268.368
Cộng	3.268.193.501	1.368.677.455

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	45.149.498.919	174.311.408.083	14.636.692.511	552.688.482	234.650.287.995
Mua sắm trong kỳ	-	34.330.626.029	327.785.400	-	34.658.411.429
T/lý, nhượng bán	-	223.500.000	-	-	223.500.000
Số cuối kỳ	45.149.498.919	208.418.534.112	14.964.477.911	552.688.482	269.085.199.424
Khấu hao					
Số đầu kỳ	23.630.091.289	81.155.262.162	9.020.535.966	296.345.552	114.102.234.969
Khấu hao trong kỳ	4.408.267.233	25.597.027.866	2.028.788.435	71.011.344	32.105.094.878
T/lý, nhượng bán	-	223.500.000	-	-	223.500.000
Số cuối kỳ	28.038.358.522	106.528.790.028	11.049.324.401	367.356.896	145.983.829.847
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	21.519.407.630	93.156.145.921	5.616.156.545	256.342.930	120.548.053.026
Số cuối kỳ	17.111.140.397	101.889.744.084	3.915.153.510	185.331.586	123.101.369.577

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 88.501.546.201 đồng.
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 91.738.863.992 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty TNHH Xưởng giấy Chánh Dương	12.958.329.670	14.025.047.520
Công ty TNHH Giấy Bình Chiểu	5.415.364.240	7.435.065.880
Công ty TNHH Giấy Lee & Mạn Việt Nam	2.045.276.640	4.102.506.650
Các đối tượng khác	17.879.101.506	13.929.499.255
Cộng	38.298.072.056	39.492.119.305

Trong đó phải trả người bán là bên liên quan

	Giao dịch	Năm 2018	Năm 2017
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	Chung công ty đầu tư	-	10.850.000
Công ty CP In bao bì Khatoco	Chung công ty đầu tư	364.320.099	-
Cộng		364.320.099	10.850.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ In Alpha	12.650.000	-
Cơ sở sản xuất nước uống Green Life	8.650.000	-
Các đối tượng khác	6.740.220	6.079.650
Cộng	28.040.220	6.079.650

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	-	3.977.530.818	2.472.631.133	-	1.504.899.685
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	409.001.078	409.001.078	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	39.288.909	39.288.909	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	835.978.632	3.109.247.602	2.421.461.146	-	1.523.765.088
Thuế thu nhập cá nhân	176.862.098	-	501.441.700	607.657.000	283.077.398	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	189.901.990	191.901.990	2.000.000	-
Phí và lệ phí	-	-	59.143.154	59.143.154	-	-
Cộng	176.862.098	835.978.632	8.285.555.251	6.201.084.410	285.077.398	3.028.664.773

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
Phải trả CBCNV (Tiền Tổng Công ty hỗ trợ)	1.341.181.000	1.374.792.000
Kinh phí công đoàn	85.395.115	81.831.101
Thuế TNCN thu thừa phải trả lại CBCNV	306.887.000	239.867.588
Tiền công ty Bảo Việt đền bù thiệt hại do bão Damrey	-	2.027.265.131
Các khoản phải trả, phải nộp khác	46.072.698	23.696.735
Cộng	1.779.535.813	3.747.452.555

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	-	90.767.351.838	76.971.012.138	13.796.339.700
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Khánh Hòa	-	90.767.351.838	76.971.012.138	13.796.339.700
Vay dài hạn đến hạn trả	13.631.984.800	19.631.984.800	15.631.984.800	17.631.984.800
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Khánh Hòa	3.148.000.000	9.148.000.000	5.148.000.000	7.148.000.000
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Khánh Hòa	1.333.320.000	1.333.320.000	1.333.320.000	1.333.320.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Khánh Hòa	9.150.664.800	9.150.664.800	9.150.664.800	9.150.664.800
Cộng	13.631.984.800	110.399.336.638	92.602.996.938	31.428.324.500

b. Dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	51.586.549.502	12.000.000.000	15.631.984.800	47.954.564.702
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Khánh Hòa	9.462.884.102	12.000.000.000	5.148.000.000	16.314.884.102
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Khánh Hòa	3.233.340.000	-	1.333.320.000	1.900.020.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Khánh Hòa	38.890.325.400	-	9.150.664.800	29.739.660.600
Cộng	51.586.549.502	12.000.000.000	15.631.984.800	47.954.564.702
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	13.631.984.800	-	-	17.631.984.800
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	37.954.564.702			30.322.579.902

- Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa theo Hợp đồng tín dụng vay số 164/2015-HĐTD/NHCT 580/KHDN ngày 14/12/2015, thời hạn vay: 60 tháng, hạn mức tín dụng: 15.000.000.000 đồng, lãi suất cố định cho năm đầu tiên, từ tháng 13 trở đi lãi suất được thay đổi điều chỉnh theo lãi suất thị trường. Thời hạn thanh toán nợ gốc 3 tháng 1 lần và lãi vay vào ngày 5 hàng tháng. Mục đích vay: mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản cầm cố thế chấp: tài sản hình thành từ vốn vay.

- Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình – Chi nhánh Khánh Hòa theo Hợp đồng tín dụng vay số 0699B/17/TD/VII ngày 02/03/2017, thời hạn vay 36 tháng, hạn mức tín dụng: 4.000.000.000 đồng, lãi suất cố định. Thời hạn thanh toán nợ gốc: 3 tháng/lần và lãi vay định kỳ 1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

tháng/lần tính từ ngày bên vay rút tiền vay lần đầu. Mục đích vay: mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản cầm cố thế chấp là máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.

- Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Khánh Hòa theo Hợp đồng tín dụng vay số 40103.16.803.1621178.TD ngày 03/08/2016, thời hạn vay: 60 tháng, hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng, lãi suất cố định cho năm đầu tiên, từ tháng 13 trở đi lãi suất được thay đổi điều chỉnh theo lãi suất thị trường. Thời hạn thanh toán nợ gốc: 3 tháng 1 lần và lãi vay vào ngày 26 hàng tháng. Mục đích vay: mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản cầm cố thế chấp: tài sản hình thành từ vốn vay.
- Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng tín dụng vay số 90/2018-HDDCVADDDT/NHCTT580-CTCPDA ngày 27/04/2018, thời hạn vay: 36 tháng, hạn mức cho vay: 20.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay của hợp đồng quy định trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh mỗi tháng một lần. Mục đích vay: mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản cầm cố thế chấp: tài sản hình thành từ vốn vay.

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2017	16.800.000.000	13.909.976.838	16.226.914.179	26.249.421.634	73.186.312.651
Tăng trong kỳ	-	-	2.053.345.766	14.014.448.298	16.067.794.064
Giảm trong kỳ	-	-	-	6.183.464.104	6.183.464.104
Số dư tại 31/12/2017	16.800.000.000	13.909.976.838	18.280.259.945	34.080.405.828	83.070.642.611
Số dư tại 01/01/2018	16.800.000.000	13.909.976.838	18.280.259.945	34.080.405.828	83.070.642.611
Tăng trong kỳ (*)	-	-	43.851.416.489	11.480.086.442	55.331.502.931
Tăng khác	-	-	-	451.177.200	451.177.200
Giảm trong kỳ	-	13.909.976.838	-	34.080.405.828	47.990.382.666
Số dư tại 31/12/2018	16.800.000.000	-	62.131.676.434	11.931.263.642	90.862.940.076

(*) Đại hội cổ đông ngày 21/04/2018 đã quyết định chuyển toàn bộ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối từ năm 2016 về trước (20.065.957.530 đồng) và nguồn vốn khác của chủ sở hữu (13.909.976.838 đồng) bổ sung cho Quỹ đầu tư phát triển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2018	01/01/2018
Tổng Công ty Khánh Việt	4.872.000.000	4.872.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	11.928.000.000	11.928.000.000
Cộng	16.800.000.000	16.800.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2018	Năm 2017
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	16.800.000.000	16.800.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	16.800.000.000	16.800.000.000
Cổ tức đã chia	2.520.000.000	2.520.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.680.000	1.680.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.680.000	1.680.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.680.000	1.680.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.680.000	1.680.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.680.000	1.680.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	34.080.405.828	26.249.421.634
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	11.480.086.442	14.014.448.298
Điều chỉnh lợi nhuận năm trước	451.177.200	-
Phân phối lợi nhuận	34.080.405.828	6.183.464.104
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	34.080.405.828	6.183.464.104
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	9.875.482.121	2.053.345.766
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.401.444.830	1.368.897.177
+ Trích quỹ thưởng Ban điều hành	217.521.347	241.221.161
+ Trả cổ tức bằng tiền	2.520.000.000	2.520.000.000
+ Bổ sung quỹ đầu tư phát triển	20.065.957.530	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	11.931.263.642	34.080.405.828

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 135/2018/NQ-ĐHĐCĐ-ĐA ngày 21/04/2018.

f. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 21/04/2018 đã quyết định trả cổ tức năm 2017 bằng tiền với tỷ lệ là 15% vốn điều lệ (tương ứng 2.520.000.000 đồng). Theo đó, Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong năm 2018.

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

a. Ngoại tệ các loại

	31/12/2018	01/01/2018
Ngoại tệ (USD)	17.573,97	17.600,37
Cộng	17.573,97	17.600,37

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty FLD Việt Nam	158.541.013	Khách hàng đã phá sản
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Sơn	185.562.200	Khách hàng đã phá sản

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu từ bán thành phẩm	330.457.605.030	315.212.462.031
Doanh thu bán hàng hóa, nguyên liệu	10.039.872.600	9.811.498.802
Cộng	340.497.477.630	325.023.960.833

21. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2018	Năm 2017
Giảm giá hàng bán	2.410.000	5.798.000
Hàng bán bị trả lại	400.888.476	188.793.510
Cộng	403.298.476	194.591.510

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018	Năm 2017
Giá vốn của thành phẩm đã bán	283.134.934.862	267.888.172.903
Giá vốn của hàng hóa, nguyên liệu đã bán	8.961.576.400	9.253.581.809
Cộng	292.096.511.262	277.141.754.712

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	70.062.194	304.383.839
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	7.812.106	-
Cộng	77.874.300	304.383.839

24. Chi phí tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí lãi vay	4.917.777.020	2.353.482.698
Cộng	4.917.777.020	2.353.482.698

25. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nhân công	2.831.102.507	2.522.916.181
Chi phí khấu hao tài sản cố định	860.762.629	911.455.896
Chi phí vận chuyển	3.066.182.119	2.774.315.597
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.680.085.378	7.308.596.171
Cộng	14.438.132.633	13.517.283.845

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nhân công	8.417.422.405	8.594.744.712
Chi phí khấu hao tài sản cố định	783.521.501	184.144.547
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	322.867.634	308.171.434
Chi phí dịch vụ mua ngoài	514.188.460	462.429.007
Chi phí bằng tiền, chi phí khác	3.680.527.038	2.535.480.733
Cộng	13.718.527.038	12.084.970.433

26. Chi phí khác

	Năm 2018	Năm 2017
Xử lý công nợ có số dư nhỏ	672.583	4.848.876
Chi phí thiệt hại do bão lũ	408.000.000	2.800.000.000
Chi phí phạt thuế	55.143.154	-
Cộng	463.815.737	2.804.848.876

27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018	Năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.589.334.044	17.550.426.930
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	279.491.397	129.466.228
- Điều chỉnh tăng	287.303.503	129.466.228
+ Chi phí không hợp lệ	260.207.000	129.466.228
+ Chi nộp phạt thuế	27.096.503	-
- Điều chỉnh giảm (Lãi CLTG chưa thực hiện của tài khoản tiền)	7.812.106	-
Tổng thu nhập chịu thuế	14.868.825.441	17.679.893.158
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.109.247.602	3.535.978.632
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	2.973.765.088	3.535.978.632
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	135.482.514	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.480.086.442	14.014.448.298
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(1.284.008.644)	(1.618.966.177)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	1.284.008.644	1.618.966.177
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.196.077.798	12.395.482.121
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.680.000	1.680.000
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.069	7.378

29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	201.689.393.596	205.485.696.943
Chi phí nhân công	45.626.120.060	44.734.322.022
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.105.094.878	22.637.767.433
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.010.080.540	13.845.740.936
Chi phí khác bằng tiền	4.637.138.221	7.170.800.440
Cộng	311.067.827.295	293.874.327.774

30. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm từ giấy và bao bì và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

31. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch mua bán hàng hóa có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu nợ ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	31/12/2018	01/01/2018
Tài sản tài chính		
- USD	17.573,97	17.600,37

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước và nhập khẩu để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hoá các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty rất đa dạng ở nhiều địa bàn khác nhau, chủ yếu là các doanh nghiệp kinh doanh thủy hải sản và các Công ty thành viên trong Tổng Công ty Khánh Việt. Để giảm thiểu rủi ro tín dụng, Công ty đã xây dựng chính sách hạn mức tín dụng nợ cho từng đối tượng khách hàng phù hợp; giữa bộ phận kinh doanh và bộ phận tài chính kế toán luôn có sự đối chiếu thông tin về các khoản công nợ đến hạn thanh toán để kịp thời đôn đốc và có biện pháp thu nợ thích hợp. Ngoài ra, đối với các khoản nợ đã quá hạn thanh toán, Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo quy định.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<u>31/12/2018</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	38.298.072.056	-	38.298.072.056
Vay và nợ thuê tài chính	31.428.324.500	30.322.579.902	61.750.904.402
Phải trả khác	1.694.140.698	-	1.694.140.698
Cộng	71.420.537.254	30.322.579.902	101.743.117.156

<u>01/01/2018</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	39.492.119.305	-	39.492.119.305
Vay và nợ thuê tài chính	13.631.984.800	37.954.564.702	51.586.549.502
Phải trả khác	1.638.356.323	-	1.638.356.323
Cộng	54.762.460.428	37.954.564.702	92.717.025.130

Ban Giám đốc cho rằng rủi ro thanh khoản của Công ty hiện ở mức kiểm soát được và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>31/12/2018</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.085.494.113	-	14.085.494.113
Phải thu khách hàng	47.622.462.116	-	47.622.462.116
Phải thu khác	142.245.600	20.790.000	163.035.600
Cộng	61.850.201.829	20.790.000	61.870.991.829

<u>01/01/2018</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.791.202.359	-	12.791.202.359
Phải thu khách hàng	36.043.940.813	-	36.043.940.813
Phải thu khác	133.271.538	-	133.271.538
Cộng	48.968.414.710	-	48.968.414.710

32. Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm

Ngày 18/11/2018, ảnh hưởng hoàn lưu bão đã dẫn đến lũ lụt lớn tại Khánh Hòa gây nhiều thiệt hại cho Công ty. Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty đã khắc phục tương đối hậu quả sau lũ lụt; hoạt động sản xuất kinh doanh đã trở lại bình thường. Công ty hiện đang tiếp tục làm việc với Công ty bảo hiểm để giải quyết tổn thất và khắc phục thiệt hại hàng hóa, tài sản theo hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Tổng Công ty Khánh Việt	Công ty đầu tư
Nhà máy Thuốc lá Khatoco Khánh Hòa	Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần In Bao bì Khatoco (tên cũ Xí nghiệp In bao bì Khatoco)	Chung Công ty đầu tư
Xí nghiệp May Khatoco	Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú	Chung Công ty đầu tư
Công ty Thuốc lá Nguyên liệu Khatoco	Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư
Công viên Du lịch Yangbay	Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Giao dịch	Năm 2018	Năm 2017
Bán hàng (doanh thu)			
Nhà máy Thuốc lá Khatoco Khánh Hòa	Bán bao bì carton	36.522.895.700	35.725.475.750
Công ty Cổ phần In Bao bì Khatoco (tên cũ Xí nghiệp In bao bì Khatoco)	Bán bao bì carton	6.758.031.260	6.410.355.900
Xí nghiệp May Khatoco	Bán bao bì carton	1.689.153.400	1.344.436.400
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	Bán bao bì carton	743.949.200	1.116.467.850
Công ty Thuốc lá Nguyên liệu Khatoco	Bán bao bì carton	2.214.331.700	2.899.415.000
Mua hàng (công nợ có VAT)			
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	Mua BHLĐ, v/chuyển	447.407.500	390.040.001
Công ty Cổ phần In bao bì Khatoco	Mua giấy, gia công hộ	772.942.423	177.102.750
Công ty CP Du lịch Long Phú	Du lịch	1.328.251.000	-
Công viên Du lịch Yangbay	Dịch vụ ăn uống	193.520.000	-
Các giao dịch khác			
Tổng Công ty Khánh Việt	Trả cổ tức	730.800.000	730.800.000

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	31/12/2018	01/01/2018
Thù lao Hội đồng quản trị	84.000.000	84.000.000
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.478.978.000	1.563.038.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi AAC.



Lê Thị Hương Dung

Nha Trang, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng

Lê Việt

Người lập biểu

Lê Việt



Số: 21/PA-HDQT

Nha Trang, ngày 20 tháng 4 năm 2019

PHƯƠNG ÁN
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ KẾ HOẠCH CHIA CỔ TỨC NĂM 2018-2019
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ NĂM 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đông Á

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, thông qua ngày 26/11/2014 ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đông Á;

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán kỹ ngày 25/3/2019;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đông Á báo cáo Đại hội đồng cổ đông các phương án cụ thể sau:

I. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, CHIA CỔ TỨC NĂM 2018:

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ % TH/KH
1	Vốn điều lệ	đồng	16.800.000.000	16.800.000.000	
2	Tổng số lượng cổ phần	CP	1.680.000	1.680.000	
3	Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	đồng	345.000.000.000	340.094.179.154	98,58 %
4	LN trước thuế TNDN	đồng	17.000.000.000	14.589.334.044	85,82 %
5	LN sau thuế TNDN	đồng	13.600.000.000	11.480.086.442	84,41 %
6	Trích các quỹ:	đồng			
6.1	Quỹ đầu tư phát triển	đồng		8.506.184.458	
6.2	Quỹ khen thưởng phúc lợi (10% LN sau thuế TNDN)	đồng		1.148.008.644	
6.3	Quỹ Ban điều hành	đồng		145.893.340	
7	Đề xuất chia cổ tức	đồng	2.520.000.000	1.680.000.000	66,67 %

Năm 2018 lợi nhuận không đạt kế hoạch đề ra nên đề xuất trích quỹ Ban điều hành: 1% lợi nhuận trước thuế thực hiện được trong năm tài chính 2018.

Chuyển toàn bộ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối từ năm 2017 trở về trước bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển: 451.177.200 đồng.

Trong tình hình vừa mở rộng thị trường, khắc phục những thiệt hại do bão 2017 và lũ lụt năm 2018, vừa tiếp tục đầu tư cho xưởng 2 để nâng cao số lượng và chất lượng sản



phẩm phù hợp với yêu cầu thị trường nên nhu cầu về vốn (cố định và lưu động) tăng cao để chia sẻ áp lực về vốn vay, Công ty đề xuất mức chia cổ tức cho năm tài chính 2018 là 10%.

Cổ tức được chi trả bằng tiền, thời gian chi dự kiến từ 30/5/2019.

II. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, CHIA CỔ TỨC NĂM 2019:

- Lợi nhuận trước thuế TNDN theo kế hoạch: 12.500.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN theo kế hoạch: 10.000.000.000 đồng
- Quỹ khen thưởng phúc lợi (10%): 1.000.000.000 đồng
- Chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền (10% mệnh giá): 1.680.000.000 đồng
- Quỹ ban điều hành: sau khi có kết quả kiểm toán, HĐQT đề xuất mức trích quỹ Ban điều hành như sau: bằng 1% lợi nhuận trước thuế thực hiện được + 5% phần lợi nhuận vượt kế hoạch (nếu có) trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- Quỹ đầu tư phát triển: Lợi nhuận sau thuế khi đã trích các quỹ và chia cổ tức.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NĂM 2019:

DVT: trđ

STT	Chỉ tiêu	Giá trị đầu tư (không VAT)	Thời gian dự kiến hoàn thành	Ghi chú
1	Máy dán hộp tự động (Nhật đã qua sử dụng)	1.000	10/2019	
2	Máy bế hộp tự động (Nhật đã qua sử dụng - SX từ năm 2000 trở về sau)	2.600	10/2019	
3	Hệ thống nhúng truy nhận dữ liệu	500	07/2019	
4	Máy đo độ nén vòng, nén cạnh	200	09/2019	
5	Máy đo độ hấp thụ giấy	70	09/2019	
6	Máy ép nhũ (đã qua sử dụng) - khổ Max 750 x 530 (mm)	700	09/2019	
7	Máy in offset 6 màu và sấy hồng ngoại IR	12.400	04/2019	
8	Máy ghi bản CTP nhiệt Kodak Trendsetter Q800-F-speed	1.750	03/2019	
9	Trục lô sóng T	1.875	09/2019	
10	Cải tạo nhà xưởng + hệ thống chống lũ lụt	1.000	06/2019	
11	Máy in ngang 3 màu + xếp chồng xẻ rãnh	11.000	09/2019	
	TỔNG CỘNG	33.095		

Tổng số vốn đầu tư năm 2019: 33.095 triệu đồng

- Vốn tự có: nguồn vốn đầu tư phát triển
- Vay ngân hàng Vietinbank, BIDV.

IV. KẾ HOẠCH NĂM 2019:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
01	- Tổng doanh thu	trđ	340.000
02	- Lợi nhuận trước thuế	trđ	12.500
03	- Cổ tức	%	10
04	- Đơn giá tiền lương hiệu quả	%	75

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi gửi:

- Như trên
- UBCKNN, SGDCKHN, HĐQT, BKS,
- Lưu TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Thị Hương Dung



Số: 122/BC-HĐQT

Nha Trang, ngày 20 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO

THÙ LAO HĐQT, BKS VÀ TK NĂM 2018

KẾ HOẠCH CHI THÙ LAO HĐQT, BKS VÀ TK 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Đông Á

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đông Á;
- Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty Cổ phần Đông Á,
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán ký ngày 25/3/2019;
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 135/2018/NQ-ĐHĐCĐ-ĐA ngày 21/4/2018;
- Căn cứ nhiệm vụ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của HĐQT, BKS và TK năm 2018;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đông Á báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS, TK năm 2018 và Kế hoạch chi thù lao HĐQT, BKS và TK 2019 như sau:

1. Kết quả chi trả thù lao cho HĐQT, BKS và thư ký năm 2018:

STT	Diễn giải	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018	Thực chi năm 2018	Ghi chú
1	Hội đồng quản trị	84.000.000	84.000.000	
2	Ban kiểm soát	60.000.000	60.000.000	
3	Thư ký	18.000.000	18.000.000	
Tổng cộng		162.000.000	162.000.000	

Như vậy, HĐQT Công ty đã thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS, TK theo đúng tinh thần Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra.

2. Phương án chi trả thù lao cho HĐQT, BKS và thư ký năm 2019:

STT	Diễn giải	Mức chi / tháng (đồng)	Tổng chi 2019	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	3.000.000	36.000.000	
2	Thành viên HĐQT	2.000.000	48.000.000	02 thành viên
3	Trưởng BKS	2.000.000	24.000.000	

4	Thành viên BKS	1.500.000	36.000.000	02 thành viên
5	Thư ký	1.500.000	18.000.000	
Tổng cộng			162.000.000	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi gửi:

- Như trên;
- UBCKNN, SGDCKHN, HĐQT, BKS
- Lưu TK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lê Thị Hương Dung

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Á

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 123/TTr-HĐQT

Nha Trang, ngày 20 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Đông Á

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI thông qua ngày 29/6/2006;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015;

- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty đối với Công ty đại chúng;

- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

- Căn cứ yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành Công ty Cổ phần Đông Á

Trên cơ sở các căn cứ, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản của Điều lệ Công ty cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định và các yêu cầu quản trị, áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua những sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty 2019.

Điều lệ đã được bổ sung sửa đổi sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi gửi:

- Như trên
- UBCKNN, SGDCCKHN, HĐQT, BKS
- Lưu TK.

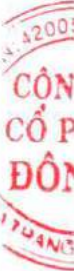
**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Thị Hương Dung

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY
(kèm theo Tờ trình số 123/T.T. - HKQ ngày 20/4/2019..)

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành 2018	Đề nghị sửa đổi/bổ sung	Giải thích
1	<p>CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN</p> <p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>3. Công ty luôn tôn trọng quyền sở hữu cổ phiếu. Nếu cổ đông của Công ty qua đời thì Công ty tôn trọng quyền thừa kế cổ phần hợp pháp theo luật thừa kế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì phải cử một đại diện sở hữu duy nhất dưới hình thức ủy quyền có xác nhận của công chứng Nhà nước. Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế. Khi được quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp và đã được ghi vào sổ cổ đông của Công ty, cổ đông mới được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.</p>	<p align="center">Đề nghị sửa đổi/bổ sung</p> <p>CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN</p> <p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p align="center">Bổ</p>	<p>Bổ khoản 3, điều 9 để Điều lệ Công ty phù hợp với Điều lệ mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017(Điều lệ mẫu Thông tư 95)</p>
2	<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ bằng 1,5 lần lãi suất tiền gửi có kì hạn năm vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p>	<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ bằng 1,5 lần lãi suất tiền gửi có kì hạn 12 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p>	<p>Điều chỉnh để phù hợp với Điều lệ mẫu Thông tư 95 và quy định chi tiết hơn</p>
	<p>CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG</p> <p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ</p>	<p>CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG</p> <p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ</p>	



3	<p>đồng</p> <p>1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản:</p> <p>a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ</p> <p>b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>f. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>g. Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p>	<p>đồng</p> <p>1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản:</p> <p>a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ</p> <p>b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>e. Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>f. Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p>	<p>Bộ điểm f, khoản 1, điều 21 để Điều lệ Công ty phù hợp với Điều lệ mẫu Thông tư 95)</p> <p>Điều 144 luật DN 2014</p> <p>Khoản 3 Điều 162 luật DN 2014</p>
4	<p>Điều 22. Thăm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:</p> <p>a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;</p> <p>b. Định hướng phát triển Công ty;</p>	<p>Điều 22. Thăm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p>	<p>Điều chỉnh để phù hợp với Điều lệ mẫu Thông tư 95</p>



	<p>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>f. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>h. Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>i. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>j. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>k. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p>	
5	<p>CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY</p> <p>Điều 49. Kiểm toán</p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY</p> <p>Điều 49. Kiểm toán</p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>Điều chỉnh để phù hợp với Điều lệ mẫu Thông tư 95 và hoạt động của Công ty</p>

TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Á

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 124 /TTr-HĐQT

Nha Trang, ngày 20 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đông Á

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012, Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP;
- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 hướng dẫn một số điều của nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đông Á

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc ban hành Quy chế quản trị Công ty.

Quy chế quản trị Công ty sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBCKNN, SGDCCKHN, HĐQT, BKS
- Lưu TK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Thị Hương Dung

QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Á

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đông Á,

CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này được xây dựng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính, các quy định về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Đông Á

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.
2. Thành viên HĐQT không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên được quy định tại Khoản 6 Điều 2 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.
3. Công ty: Là Công ty Cổ phần Đông Á
4. HĐQT: Là Hội đồng quản trị
5. Ứng cử: Là tự đề cử
6. BKS: Là Ban kiểm soát
7. VSD: Là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
8. Đại biểu: Là cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)

CHƯƠNG 2. QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG

Mục 1. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ quy định tại Điều 14 Điều lệ Công ty

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên: Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng Cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề

ng nghị của Hội đồng quản trị có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn thời gian triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường:

a. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên HĐQT không điều hành, Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty có quyền thay thế Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

d. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ quy định tại Điều 142 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 20 Điều lệ Công ty

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tịch:

a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

c. Chủ tọa của Đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số Đại biểu tham dự.

d. Chủ tọa Đại hội có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng Đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

e. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.

f. Đoàn Chủ tịch gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tọa và 02 Thành viên.

g. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch: Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Hướng dẫn các Đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

h. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch: Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Thư ký Đại hội:

a. Chủ tọa chỉ định một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Thư ký Đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
- Tiếp nhận Phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Đoàn Chủ tịch.

3. Ban kiểm phiếu:

a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
- Kiểm và ghi nhận Phiếu biểu quyết, lập Biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết;
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho Thư ký;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

a. Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 01 Trưởng Ban và một số thành viên, do HĐQT thành lập và do Đoàn Chủ tịch giới thiệu đến Đại hội.

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, Đại diện cổ đông đến dự họp.
- Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và Đại diện được ủy quyền có quyền dự họp Đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 5. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp Đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng Đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc Đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp Đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số Đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Quy chế THQ 197/QĐ-VSD 29/09/2017

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông với VSD:

a. Công ty phải gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ đến VSD tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng, trong đó phải nêu rõ các thông tin cơ bản sau:

- Thông tin về ngày đăng ký cuối cùng: Ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc do VSD trên cơ sở ủy quyền của Công ty ấn định để xác định Danh sách người sở hữu chứng khoán được hưởng quyền phù hợp với thông báo của Công ty, VSD và quy định của pháp luật.

- Hồ sơ thông báo thực hiện quyền: Công ty gửi cho VSD Hồ sơ thông báo thực hiện quyền, bao gồm:

- Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng (Mẫu 07/Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017).
- Các tài liệu kèm theo như sau:
 - + Các tài liệu liên quan đến nội dung họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến bằng văn bản (bản cứng và file dữ liệu) (nếu có).

+ Nghị quyết của HĐQT thông qua việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường (Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do HĐQT triệu tập).

+ Văn bản của Ban Kiểm soát thông báo cho VSD về việc thay thế HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường kèm theo các tài liệu chứng minh HĐQT không thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do Ban Kiểm soát triệu tập);

+ Biên bản họp của Ban Kiểm soát về việc thống nhất thay thế HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do Ban kiểm soát triệu tập).

+ Văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền thông báo cho VSD về việc thay thế HĐQT, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường kèm theo các tài liệu chứng minh HĐQT, Ban kiểm soát không thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập theo quy định của Luật doanh nghiệp);

+ Tài liệu chứng minh cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng (Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập theo quy định của Luật doanh nghiệp).

+ Tài liệu liên quan khác (nếu có).

b. Trong vòng một (01) ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD chuyển Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký được phân bổ quyền bỏ phiếu (Mẫu 08/THQ Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017) dưới dạng chứng từ điện tử cho Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.

c. Trong vòng hai (02) ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD gửi Công ty Danh sách tổng hợp phân bổ quyền bỏ phiếu cho người sở hữu chứng khoán (Mẫu 09/THQ Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017) (File dữ liệu Danh sách trên sẽ được VSD gửi vào địa chỉ email mà Công ty đã đăng ký với VSD).

d. Trường hợp Công ty không chấp thuận thông tin trong Danh sách tổng hợp phân bổ quyền bỏ phiếu cho người sở hữu chứng khoán, trong vòng tám (08) ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, Công ty phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSD nêu rõ lý do.

e. Trường hợp Công ty uỷ quyền VSD trong việc gửi thư mời hoặc làm Đại lý thực hiện việc bỏ phiếu điện tử hoặc các công việc khác liên quan đến việc tổ chức Đại hội cổ đông, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản,... việc tổ chức triển khai được thực hiện theo quy định tại thỏa thuận ký kết giữa VSD và Công ty.

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị Danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;

d. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ Đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;

c. Thẻ hoặc Phiếu biểu quyết, bầu cử;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị liên quan đến Khoản 4 Điều 18 Điều lệ Công ty nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng Cổ đông

Căn cứ quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 16 Điều lệ Công ty; Khoản 1, 2, 3 Điều 20 Điều lệ Công ty

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được qui định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.

b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;

- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của Pháp luật;

- Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Quy định về việc ủy quyền tham dự Đại hội:

a. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người Đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

b. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

c. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với Giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty);

d. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ Công ty, phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và kiểm tra tư cách cổ đông vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông:

a. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;

b. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu của cổ đông đó;

c. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/ bầu cử tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/ bầu cử trước đó không thay đổi.

Điều 9. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ quy định tại Điều 162 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 15 Điều lệ Công ty

1. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của HĐQT;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
 - e. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Số lượng thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
 - g. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
 - i. Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT;
 - j. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - k. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - n. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
 - o. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
 - p. Quyết định Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - q. Công ty ký kết hợp đồng giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - r. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thông qua các Hợp đồng quy định tại Khoản 1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của Hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được tương ứng theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc; Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông

1. Nguyên tắc chung

a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.

b. Thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho Đại biểu tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi Đại biểu được cấp thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử. Trên thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử có ghi rõ mã số Đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của Đại biểu đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử**a. Phiếu biểu quyết**

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của Đại biểu tham dự.

- Trên Phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi Đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

+ Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu biểu quyết;

+ Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho Phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên Phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

b. Phiếu bầu cử

- **Phiếu bầu cử hợp lệ:** Là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của Đại biểu tham dự.

- Phiếu bầu cử không hợp lệ:

+ Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu.

+ Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì.

+ Gạch tên các ứng viên.

+ Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của Công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu bầu.

+ Số ứng viên mà Đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên trúng cử

+ Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu.

+ Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu.

+ Các quy định khác theo Quy chế bầu cử Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty quy định.

Điều 11. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không ý kiến” một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

a. Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao thẻ biểu quyết, mặt trước của thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tịch. Trường hợp đại biểu không giơ thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ thẻ biểu quyết, thành viên Ban kiểm tra tư cách Cổ đông/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã Đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” và “Không hợp lệ”.

b. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” được in sẵn trong phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

Căn cứ quy định tại Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong Danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ Phiếu bầu cử**a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu**

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng viên;
- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra Đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;
- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- + Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử;
- + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;
- + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, Đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp Đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trúng cử:
 - + Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
 - + Trường hợp có từ hai (02) ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
 - + Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 11 Quy chế này.

Điều 13. Cách thức kiểm phiếu

Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu phiếu bầu cử/thẻ/phiếu biểu quyết tán thành Nghị quyết, sau đó thu thẻ/phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13

1. Cổ đông biểu quyết phản đối Nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua

lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông thông qua Nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi Biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục Danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên (nếu có);
- i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- j. Chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản

đổi về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Phụ lục Danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 17. Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty

1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các Đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ
- b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- e. Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- f. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các Nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông Đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều này.

3. Việc bầu thành viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện Khoản 2 Điều này.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua Nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Mục 3. Quy định về một số báo cáo bắt buộc phải trình Đại hội đồng cổ đông thường niên

Điều 18. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Căn cứ quy định tại Điều 9 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định tại Khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- b. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;
- c. Kết quả đánh giá của Thành viên HĐQT không điều hành về hoạt động của HĐQT (nếu có);
- d. Hoạt động của tiêu ban Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT trong trường hợp Công ty Đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp;
- e. Hoạt động của các tiêu ban khác thuộc HĐQT (nếu có);
- f. Kết quả giám sát đối với Giám đốc;
- g. Kết quả giám sát đối với Người điều hành doanh nghiệp khác;
- h. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 19. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Căn cứ quy định tại Điều 10 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
- c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
- d. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Giám đốc và các Người điều hành doanh nghiệp khác;
- e. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Giám đốc và các Cổ đông.

Điều 20. Báo cáo tình hình quản trị Công ty

Căn cứ quy định tại Điều 30 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ Đại hội đồng Cổ đông thường niên và tại Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 22 Điều lệ Công ty

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

Điều 22. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Điều 22, Điều 24 Điều lệ Công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các Cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận Phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

3. Quy định về phiếu lấy ý kiến:

a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số đăng ký doanh nghiệp;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;
- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Phương án biểu quyết bao gồm: “Tán thành”, “Không tán thành” và “Không có ý kiến” đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- Phương án bầu cử (nếu có);
- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người Đại diện theo Pháp luật của Công ty.

b. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

c. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu:

HDQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không phải là Người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu đã tham gia biểu quyết/bầu cử trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu bầu hợp lệ và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu, kèm theo Phụ lục Danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;
- Các vấn đề đã được thông qua;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HDQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các Thành viên HDQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu:

a. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi Biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản thực hiện theo Điều 21, Điều 22 Điều lệ Công ty và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

6. Lưu tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

a. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, Thành viên HDQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định

tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp.

- Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

b. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG 3 **HĐQT VÀ CUỘC HỌP HĐQT**

Mục 1. Quy định chung

Điều 23. Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT

Căn cứ quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty

1. Số lượng thành viên HĐQT là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:

Tổng số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn.

3. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên HĐQT.

b. Có đơn từ chức.

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.

d. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên HĐQT có thể không phải là Cổ đông của Công ty.

Điều 24. Quyền và trách nhiệm của Thành viên HĐQT

Căn cứ quy định tại Điều 14 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông

tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời và đầy đủ HĐQT các khoản thù lao mà họ nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là Người đại diện phần vốn góp của Công ty;

d. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 25. Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT

Căn cứ quy định tại Điều 15 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP

HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;

2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;

3. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;

4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

5. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 18 Quy chế này;

6. Báo cáo về tình hình quản trị Công ty tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên và tại Báo cáo thường niên của Công ty.

Mục 2 - Quy định về đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Thành viên HĐQT

Điều 26. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT

Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Điều 12 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định khác.

c. Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là Thành viên HĐQT của Công ty khác.

2. Số lượng và cơ cấu Thành viên HĐQT thực hiện theo Điều 23 Quy chế này.

3. Thành viên HĐQT của 01 Công ty đại chúng không được đồng thời là Thành viên HĐQT tại quá 05 Công ty khác.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc (Tổng Giám đốc) của cùng 1 Công ty đại chúng

Điều 27. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

Căn cứ quy định tại Khoản 2,3 Điều 25 Điều lệ Công ty

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Khoản 4 Điều 32 Quy chế này. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều 32 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng.

Điều 28. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Thành viên HĐQT

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Khoản 1 Điều 25 Điều lệ Công ty

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;

- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 29. Cách thức bầu thành viên HĐQT

Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty.

1. Việc bầu Thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 30. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT

Căn cứ Điều 156 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức;
 - c. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin Đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 32. Cách thức giới thiệu ứng viên Thành viên HĐQT

1. HĐQT hoặc các đối tượng khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 34 Quy chế này triệu tập cuộc họp HĐQT về việc bầu cử thành viên HĐQT để phổ biến nội dung bầu cử: Số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy

định tại Điều 28 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên HĐQT và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 3 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử ...

3. HĐQT tổng hợp Danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:

- Số lượng ứng viên: Là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp Danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này;
- Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải được đa số thành viên HĐQT đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
- Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp.

Mục 3 - Quy định về cuộc họp HĐQT

Điều 33. Cuộc họp HĐQT

Căn cứ quy định tại Điều 153 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 16 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Điều 30 Điều lệ Công ty

1. Quy định chung về cuộc họp HĐQT

a. HĐQT phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ Công ty và Điều 34 Quy chế này. Việc tổ chức họp HĐQT, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các Thành viên HĐQT theo thời hạn quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

b. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

c. Hàng năm, HĐQT yêu cầu thành viên không điều hành có báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Quy định về cuộc họp đầu tiên

Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

3. Quy định về cuộc họp định kỳ và bất thường

a. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc

trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

b. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- Ban kiểm soát;
- Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành;
- Ít nhất hai (02) Thành viên HĐQT;
- Các trường hợp khác (nếu có).

c. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Điểm b, Khoản 3 Điều này. Trường hợp không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập tại Điểm b, Khoản này có quyền triệu tập họp HĐQT.

d. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về Báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

Điều 34. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT

Căn cứ quy định tại Khoản 7,8 Điều 153; Điều 154 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 30 Điều lệ Công ty

1. Thông báo họp HĐQT (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp):

a. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các Thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối Thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và Phiếu biểu quyết của Thành viên.

b. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

c. Chủ tịch HĐQT hoặc Người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các Thành viên HĐQT. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;

d. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.

e. Các hình thức họp khác:

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức Hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

2. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này. Điều kiện tổ chức họp HĐQT:

a. Các cuộc họp của HĐQT lần thứ nhất được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số Thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người đại diện (Người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;

b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số Thành viên HĐQT dự họp;

c. Thành viên HĐQT chỉ được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

3. Cách thức biểu quyết:

a. Trừ quy định tại Khoản 2 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 2 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) Phiếu biểu quyết;

b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của Chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 39 Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên

của HĐQT thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp Thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, Thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

f. Thành viên HĐQT có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

4. Cách thức thông qua Nghị quyết của HĐQT:

a. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra Nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

b. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

5. Ghi biên bản họp HĐQT:

a. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc Người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không ý kiến;
- Các vấn đề đã được thông qua;
- Họ, tên, chữ ký Chủ tọa và Người ghi biên bản.

Chủ tọa và Người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung Biên bản họp HĐQT.

b. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty;

c. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung Biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong Biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng;

d. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi Nghị quyết, Biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành

trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

6. Thông báo Nghị quyết HĐQT:

Sau khi ban hành Nghị quyết HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin Đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.

CHƯƠNG 4. BAN KIỂM SOÁT

Mục 1. Quy định chung

Điều 35. Thành phần Ban Kiểm soát

Căn cứ quy định tại 164 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 36 Điều lệ Công ty

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu HĐQT, Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký Báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

Căn cứ quy định tại Điều 21 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên HĐQT, Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.

2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Công ty có thể hướng dẫn quy định về hoạt động và thực thi nhiệm vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Căn cứ quy định tại Điều 22 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

3. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Giám đốc và cổ đông;

4. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

5. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.

Mục 2 - Quy định về đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên

Điều 38. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên

Căn cứ quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

2. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

Điều 39. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

Căn cứ quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty

Các Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) Kiểm soát viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) Kiểm soát viên, từ 60% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Khoản 4 Điều 44 Quy chế này. Thủ tục Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 44 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng.

Điều 40. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên

Căn cứ quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty

Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại Điều 28 Quy chế này.

Điều 41. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty

1. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu đơn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ

phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu Kiểm soát viên có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 42. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Căn cứ quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty.

Điều 43. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 44. Cách thức giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát về việc bầu cử Kiểm soát viên để phổ biến nội dung bầu cử: Số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 39 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử Kiểm soát viên và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 4 Quy chế này

trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử ...

3. Công ty tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát sẽ chuẩn bị Danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:

- Số lượng ứng viên: Là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này;

- Ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải được đa số Kiểm soát viên đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;

- Ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp.

Mục 3 - Quy định về cuộc họp Ban kiểm soát

Điều 45. Cuộc họp Ban kiểm soát

Căn cứ quy định tại Điều 23 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 37 Điều lệ Công ty

1. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Giám đốc và đại diện Công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

CHƯƠNG 5.

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 46. Các tiêu chuẩn của Người điều hành doanh nghiệp

Căn cứ quy định tại Điều 65, 157 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Điều 51, 52, 54 Luật kế toán số 88/2015/QH13, Điều 19 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Giám đốc

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán trưởng

a. Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán quy định tại Điều 52 Luật Kế toán số 88/2015/QH13 và Điều 19, Nghị định 174/2016/NĐ-CP;

b. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

c. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán;

d. Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên;

e. Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;

f. Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai (02) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ Đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là ba (03) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ trung cấp, cao đẳng.

Điều 47. Việc bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

Căn cứ quy định tại Điều 32 và Khoản 1, 2 Điều 33 Điều lệ Công ty

1. Việc bổ nhiệm Giám đốc:

a. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

b. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà Pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Việc bổ nhiệm Phó Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc Người điều hành doanh nghiệp khác:

a. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mãn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

b. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong Hợp đồng lao động đối với Giám đốc do HĐQT quyết định và hợp đồng với những Người điều hành doanh nghiệp khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 48. Ký Hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp

Căn cứ quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 27 và Điều 33 Điều lệ Công ty

Thẩm quyền ký kết và quyết định các điều khoản của Hợp đồng lao động được quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 27 và Điều 33 Điều lệ Công ty. Một Thành viên HĐQT được ủy quyền sẽ ký kết Hợp đồng lao động với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc Người điều hành doanh nghiệp khác.

HDQT có thể xem xét đưa vào thêm các điều khoản và các điều kiện khác trong Hợp đồng lao động đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc Người điều hành doanh nghiệp khác.

Điều 49. Các trường hợp miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13

1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 47 Quy chế này;
2. Có đơn xin nghỉ việc;
3. Các đối tượng không được tham gia quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

Điều 50. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin Đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của Pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG 6.

**QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HDQT,
BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC**

Điều 51. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HDQT, Ban kiểm soát và Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HDQT, Ban kiểm soát và Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HDQT được quy định tại Điều 35 Quy chế này.

Điều 52. Thông báo Nghị quyết của HDQT cho Ban kiểm soát

Nghị quyết, biên bản họp HDQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HDQT.

Điều 53. Thông báo Nghị quyết của HDQT cho Giám đốc

Nghị quyết HDQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HDQT.

Điều 54. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HDQT và những vấn đề cần xin ý kiến HDQT

Căn cứ quy định Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Khoản 3 Điều 33, Khoản 1 Điều 37 Điều lệ Công ty

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HDQT

a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HDQT trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo Pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;
- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HDQT, Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HDQT theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Điều lệ Công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

b. Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HDQT trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quyền của Giám đốc theo quy định tại Điều 33 Điều lệ Công ty không được thực thi;
- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của những Người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:

- a. Kiến nghị với HĐQT về Phương án cơ cấu tổ chức, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- c. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;
- d. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến Hợp đồng lao động của họ;
- e. Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn Kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- f. Xin ý kiến HĐQT đối với Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- h. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

Điều 55. Báo cáo của Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

Căn cứ quy định tại Phụ lục 4 Thông tư số 155/2015/TT-BTC, Khoản 3 Điều 33 Điều lệ Công ty

1. Báo cáo về tình hình thực hiện NQ của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Định kỳ hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
4. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền khác;
5. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 56. Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 56 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Giám đốc.

Điều 57. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, Ban kiểm soát

Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 33, Khoản 3 Điều 39, Điều 42 Điều lệ Công ty

1. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT:

a. Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người điều hành doanh nghiệp;

b. Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định Pháp luật hiện hành;

c. Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

d. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

2. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Ban kiểm soát

a. Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với Ban kiểm soát nhằm đảm bảo Ban kiểm soát thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

b. Báo cáo của Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

c. HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 58. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các Thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

Căn cứ quy định tại Điều 165, Điều 166 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Khoản 1 Điều 21, Điều 22, Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 37, Điều 39 Điều lệ Công ty

1. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và HĐQT: Ban kiểm soát có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu cả Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và Kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì Ban kiểm soát phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

f. Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

2. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Giám đốc: Ban kiểm soát có chức năng kiểm tra và giám sát.

a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và Kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

c. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của Giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

d. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

e. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của Ban kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm

việc so với ngày dự định nhận được phản hồi. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh Công ty của Ban kiểm soát phải được gửi đến Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

3. Phối hợp hoạt động giữa Giám đốc và HĐQT: Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

a. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu

b. Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;

c. Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định Pháp luật hiện hành;

d. Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 60 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là mười (10) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi HĐQT.

CHƯƠNG 7.

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 59. Quy định về việc đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của Người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: Quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.

4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 60. Khen thưởng

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 61 của Quy chế này.

2. Đối tượng: Các cá nhân theo chế độ khen thưởng do HĐQT quy định.

3. Các hình thức khen thưởng: Bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

4. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, Kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

5. Đối với đối tượng là Người điều hành doanh nghiệp khác: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Điều 61. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc Điều lệ Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG 8.

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM THƯ KÝ

Điều 62: Thư ký Công ty

Căn cứ tại Điều 34 Điều lệ Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc

thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
4. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
5. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

CHƯƠNG 9.

SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 63. Bổ sung và sửa đổi Quy chế về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG 10. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 64. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 10 Chương 64 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đông Á nhất trí thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2019 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Quy định tại Khoản 3 Điều 26 Quy chế này có hiệu lực từ ngày 01/08/2019.
3. Quy định tại Khoản 4 Điều 26 Quy chế này có hiệu lực từ ngày 01/08/2020.
4. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.
5. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc có chữ ký của ít nhất 1/2 tổng số Thành viên HĐQT mới có giá trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Á
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 125/BC-BKS

Nha Trang, ngày 20 tháng 4 năm 2019



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

THẨM ĐỊNH VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY, HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC NĂM 2018 TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG BKS NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đông Á

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát đã được quy định tại điều lệ Công ty Cổ phần Đông Á;

Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Đông Á được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC.

Ban kiểm soát Công ty xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty Cổ phần Đông Á, về kết quả hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc năm 2018, báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018:

1. Ban kiểm soát Công ty gồm có 03 thành viên như sau:

- Bà: Lại Trần Hoài Khanh : Trưởng Ban kiểm soát
- Ông: Nguyễn Lê Quân : Thành Viên
- Ông: Nguyễn Trung Kiên : Thành Viên

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát đã tiến hành họp 2 lần với đầy đủ số lượng thành viên tham gia (3/3)

Lần 1: ngày 30/9/2018 Ban kiểm soát họp báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2018, kết quả ước đạt được so với kế hoạch đã đề ra.

Lần 2: ngày 25/12/2018 Ban kiểm soát họp thảo luận tổng kết các nội dung về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và tình hình nhân sự tại Công ty, phân công nhiệm vụ chuẩn bị nội dung cho Đại hội cổ đông thường niên vào tháng 4 năm 2019.

- Trong năm 2018, Thủ lao, chi phí cho hoạt động Ban kiểm soát trong năm 2018 như sau:

- Thủ lao Ban kiểm soát năm 2018: 60.000.000 đ

- Chi phí Ban kiểm soát 2018 : 0 đ
- **Tổng cộng** : **60.000.000 đ**

Cụ thể thù lao Ban kiểm soát như sau:

STT	Tên thành viên	Chức vụ	Số tiền thù lao
1	Lại Trần Hoài Khanh	Trưởng Ban kiểm soát	24.000.000 đ
2	Nguyễn Lê Quân	Thành Viên Ban kiểm soát	18.000.000 đ
3	Nguyễn Trung Kiên	Thành Viên Ban kiểm soát	18.000.000 đ

3. Thẩm định báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc 2018, về sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với HĐQT và Ban Giám đốc:

Ban Kiểm soát nhận thấy các thành viên HĐQT và Ban Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ mà cổ đông giao phó. Trong năm 2018, Ban kiểm soát được tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị nhằm duy trì thường xuyên việc kiểm soát các hoạt động của Công ty và các định hướng phát triển của Công ty trong từng thời kỳ kinh doanh. Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc của Công ty trong năm 2018, Ban kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành Công ty. Chương trình nghị sự của các cuộc họp Hội đồng quản trị tập trung vào các vấn đề chủ yếu: triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; đánh giá kết quả của việc đầu tư, xây dựng cơ bản và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi thù lao HĐQT và BKS năm 2018 theo đúng mức được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty năm 2018:

1. Căn cứ thẩm định:

a. Báo cáo tài chính năm 2018 do Công ty Cổ phần Đông Á cung cấp bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (mẫu B 01- DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (mẫu B 02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu B 09-DN)

b. Các tài liệu, số liệu kế toán khác theo yêu cầu của Ban kiểm soát

2. Kết quả thẩm định:

- Hệ thống kế toán, các chính sách kế toán được áp dụng và việc trình bày báo cáo tài chính được lập phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

- Các chính sách và phương pháp kế toán được Công ty nhất quán.

- Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được thuyết minh rõ ràng với cơ sở tính toán, số liệu chi tiết được thuyết minh đầy đủ trên Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2018. Trên cơ sở kiểm tra, đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết và các thuyết minh trên báo cáo tài chính, cho thấy các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính năm 2018 được xác định hợp lý và phản ánh trung thực tình hình tài chính.

- Ban kiểm soát thống nhất với số liệu báo cáo tài chính năm 2018

Kết quả một số chỉ tiêu cơ bản:

+ Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	: 340.094.179.154đ
+ Lợi nhuận trước thuế	: 14.589.334.044đ
+ Lợi nhuận sau thuế	: 11.480.086.442đ
+ Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2018	: 212.062.353.315đ
<i>Trong đó:</i>	
* Tài sản ngắn hạn	: 85.546.573.873đ
* Tài sản dài hạn	: 126.515.779.442đ
+ Tổng nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2018	: 212.062.353.315đ
<i>Trong đó:</i>	
* Nợ phải trả	: 121.199.413.239đ
* Vốn chủ sở hữu	: 90.862.940.076đ
+ Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần	: 3,38%
+ ROA- Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản	: 5,41%
+ ROE - Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu	: 12,63%

III. Tình hình thực hiện pháp luật Nhà nước và quy định của Công ty:

1. Tình hình thực hiện pháp luật Nhà nước:

a) Thực hiện pháp lệnh về thuế và các khoản phải nộp Ngân sách:

Đến cuối ngày 31/12/2018 tình hình kê khai và nộp Ngân sách của Công ty tuân thủ đúng quy định. Tổng số thuế còn phải nộp là 3,028 tỷ đồng, chủ yếu là thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty đã thực hiện nộp trong quý I/2019.

b) Thực hiện công bố thông tin:

Trong năm 2018 Công ty đã thực hiện đúng chế độ công bố thông tin định kỳ và tức thời theo quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2. Tình hình thực hiện các quy định của công ty:

a) Tình hình công nợ:

Công ty đã kiểm soát tương đối tốt về tình hình công nợ, đến thời điểm ngày 31/12/2018 tổng dư nợ phải thu từ khách hàng là 51,053 tỷ đồng, tất cả các khoản nợ đều đã được khách hàng xác nhận.

b) Tình hình trích lập dự phòng:

Năm 2018, Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng nợ khó đòi theo đúng quy định, số dự phòng lũy kế đến ngày 31/12/2018 là 3,431 tỷ đồng.

c) Đánh giá việc thực hiện các dự án đầu tư, hợp đồng mua bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác: Các hợp đồng mua bán với các khách hàng cũng như các nhà cung cấp được đơn vị thực hiện tốt. Việc vay vốn của Công ty phù hợp với các qui định hiện hành.

d) Việc thực hiện chế độ tài chính, phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ: Công ty thực hiện việc phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của mình dựa vào Điều lệ công ty do Công ty ban hành và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

IV. Đánh giá việc thực hiện kế hoạch của Đại hội cổ đông đề ra trong năm 2018:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ % TH/KH
Vốn điều lệ	<i>Đồng</i>	16.800.000.000	16.800.000.000	
Tổng số lượng cổ phần	<i>Cổ phần</i>	1.680.000	1.680.000	
Tổng doanh thu	<i>Đồng</i>	345.000.000.000	340.094.179.154	98,58%
LN trước thuế TNDN	<i>Đồng</i>	17.000.000.000	14.589.334.044	85,82%

Trong năm công ty có thực hiện chi trả cổ tức năm tài chính 2017 trong năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 21/4/2018 với tỷ lệ cổ tức 15% vốn điều lệ (Tương ứng 2.520.000.000 đồng)

V. Nhận xét và kiến nghị:

Trong năm 2018 công ty gặp phải một số khó khăn do bị lũ lụt của bão số 8 gây ra mang đến nhiều thiệt hại nặng nề làm ảnh hưởng lớn đến nhu cầu sản xuất và giao hàng cho khách hàng. Ngoài ra nguyên vật liệu chính là giấy tăng liên tục và khan hiếm do Trung Quốc bị cấm nhập khẩu phế liệu và chính phủ yêu cầu đóng cửa các cơ sở sản xuất nhỏ để hạn chế việc ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên công ty đã đầu tư một số máy móc thiết bị hiện đại hơn như: Máy in Flexo có tráng phủ kèm bế xẻ rãnh, máy dán carton tự động... đi vào hoạt động làm gia tăng giá trị sản phẩm chất lượng cao – tạo thể mạnh giữ vững thị phần hiện có. Thực hiện chính sách giá linh hoạt một số khách hàng tiềm năng nên trong năm 2018 doanh thu đã đạt được 98,58% so với kế hoạch đề ra.

Trong năm 2019 Công ty sẽ thực hiện các giải pháp để đạt kế hoạch kinh doanh đã đề ra cho năm 2019.

VI. Kế hoạch công tác năm 2019 của ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Giám sát HĐQT, Ban điều hành

Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội Cổ đông thường niên năm 2019. Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

Kính thưa đại hội! Ban kiểm soát đã trình bày báo cáo soát xét về tình hình hoạt động và sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty Cổ phần Đông Á, về kết quả hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc năm 2018, tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS năm 2018 và kế hoạch công tác năm 2019, kính trình Đại hội thông qua.

Trân trọng.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBCKNN, SGDCKHN, HĐQT, BKS
- Lưu TK



Lại Trần Hoài Khanh



Số: A26/TTr-BKS

Nha Trang, ngày 20 tháng 4 năm 2019

**TỜ TRÌNH****VỀ VIỆC CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đông Á

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đông Á;

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Á kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 như sau:

I. Tiêu thức lựa chọn Công ty kiểm toán:

1. Là công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, được UBCK Nhà nước chấp thuận;
2. Có kinh nghiệm kiểm toán cho các công ty, tập đoàn lớn;
3. Có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ và nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính;
4. Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
5. Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
6. Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán.

II. Công ty kiểm toán:

Trên cơ sở các tiêu thức lựa chọn trên, Ban kiểm soát kính đề xuất Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua công ty kiểm toán sẽ được lựa chọn làm đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2019 của Công ty như sau:

STT	Tên công ty kiểm toán	Địa chỉ liên hệ
1	Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC	Lô 78-80, đường 30 tháng 4, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

III. Đề xuất của Ban kiểm soát:

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- Tiêu chí lựa chọn và Công ty kiểm toán nêu trên.
- Ủy quyền cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng kiểm toán.
- Trong trường hợp Công ty không chọn được đơn vị kiểm toán nêu trên để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy

quyền cho Hội đồng quản trị chủ động lựa chọn đơn vị khác trên cơ sở đáp ứng được tiêu chí lựa chọn đã đề ra và đảm bảo lợi ích tối đa cho Công ty; giao cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng kiểm toán.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBCKNN, SGDCKHN, HĐQT, BKS
- Lưu TK.



Lại Trần Hoài Khanh